

HÀNH LANG PHÁP LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

Nguyễn Phước Quý Quang^{1*} và Lê Nhật Hồng²

¹Trường Đại học Tây Đô

²Trường Đại học Luật TP. HCM

(*Email: nguyenphuocquyquang@gmail.com)

Ngày nhận: 01/11/2022

Ngày phản biện: 20/3/2023

Ngày duyệt đăng: 20/4/2023

TÓM TẮT

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò to lớn đối với nền kinh tế mỗi quốc gia. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hoạt động sản xuất kinh tế, các doanh nghiệp này gặp khá nhiều khó khăn về tài chính, thủ tục hoạt động cũng như các vấn đề và cần có sự hỗ trợ từ chính sách pháp luật. Các quy định của pháp luật hiện hành đã có sự đầu tư hỗ trợ cho nhóm đối tượng này. Tuy nhiên, nhận thấy vẫn còn một số bất cập. Do đó, mục tiêu của bài viết phân tích các căn cứ để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo pháp luật Việt Nam, làm rõ sự cần thiết của việc xây dựng hành lang pháp lý bảo vệ các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, chỉ ra một số bất cập còn tồn tại gây trở ngại cho hoạt động hợp pháp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời so sánh với các quy định của pháp luật nước ngoài để có các cách nhìn đa dạng liên quan chính sách riêng dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Dựa vào phương pháp phân tích, so sánh và dẫn chứng các số liệu, bài viết sẽ đưa ra hệ thống kiến nghị nhằm khắc phục các bất cập còn tồn tại, góp phần hoàn thiện pháp luật, thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Từ khoá: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, thông tin tư vấn pháp lý, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trích dẫn: Nguyễn Phước Quý Quang và Lê Nhật Hồng, 2023. Hành lang pháp lý bảo vệ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 17: 174-190.

*TS. Nguyễn Phước Quý Quang – Phó Chủ tịch Hội đồng Trường – Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Tây Đô

1. MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là ở giai đoạn hội nhập với nền kinh tế thế giới, sự hình thành, phát triển của các doanh nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng, quyết định tính ổn định, sức mạnh của nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng có quy mô giống nhau, đa số tồn tại ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), chiếm tỷ lệ cao hơn về số lượng và đóng góp cho GDP của quốc gia lớn hơn so với các doanh nghiệp có quy mô lớn bởi nó chiếm đa số và đa dạng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, tạo lượng việc làm lớn. Chẳng hạn, ở châu Âu, các DNNVV đóng góp hơn 99% tổng số doanh nghiệp và 100 triệu việc làm, chiếm 67,1% việc làm của khu vực tư nhân.¹ Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OCED), các DNNVV đóng góp khoảng 50% tổng số việc làm và 40% GDP ở các quốc gia đang phát triển.² Tuy nhiên, bởi chính vì quy mô “nhỏ” và “vừa” nên quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm chủ thể này gặp phải nhiều khó khăn về vốn, dễ bị tác động bởi tình hình kinh tế, chính trị. Nếu không có sự hỗ trợ kịp thời từ chính sách pháp luật để tạo điều kiện cho DNNVV có thể đứng vững trước khó khăn, khuyến khích sự tăng trưởng, phát triển thì số lượng doanh nghiệp này có thể bị thu hẹp lại do không trụ được trước các khó khăn, từ đó làm cho nền kinh tế bị suy thoái nghiêm trọng. Do đó, các quốc

gia trong đó có Việt Nam luôn chú trọng thực hiện các giải pháp nhằm bảo vệ, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các chính sách có thể kể đến là chính sách kinh tế (đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp quốc gia, hỗ trợ vốn vay,...), đổi mới khoa học công nghệ, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đăng ký doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với các DNNVV,... Song, thực tế cho thấy, các chính sách chưa thực sự mạnh mẽ, chưa thể hiện tính tiên phong, đột phá; việc quản lý, thực hiện các chính sách vẫn gặp phải nhiều khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực hỗ trợ vốn, tài chính, chính sách về thuế và các thủ tục hành chính khác.

2. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Có nhiều cách khác nhau về căn cứ để xác định thế nào thì được gọi là DNNVV, xu hướng chung người ta dựa vào số liệu việc làm, doanh thu, cơ sở tài sản hiện có. Ngay cả định nghĩa về DNNVV trên cơ sở một tiêu chí cụ thể cũng không thống nhất giữa các quốc gia. Chẳng hạn, Liên minh châu Âu định nghĩa một DNNVV là các doanh nghiệp sử dụng ít hơn 250 người lao động (doanh nghiệp vi mô là từ 1–9; nhỏ là từ 10–49, trung bình là từ 50–249) và có doanh thu hàng năm không quá 50 triệu euro, và/hoặc tổng bảng cân đối kế toán hàng năm không vượt quá 43 triệu euro (EU, 2005).³ Trong khi đó, ở

¹ “The Role of Small and Medium Practices in Providing Business Support to Small- and Medium-sized Enterprises”, *Small and Medium Practices Committee*, International Federation of Accountants, pp.7.

² <https://www.worldbank.org/en/topic/sme/finance>, ngày truy cập: 18/4/2023.

³ http://ec.europa.eu/enterprise/policies/sme/facts-figures-analysis/sme-definition/index_en.htm, ngày truy cập, 18/4/2022.

Hoa Kỳ, để được gọi là DNNVV thì cần đáp ứng quy mô lao động là 500 người trở xuống, với các doanh nghiệp nhỏ sử dụng 100 người.⁴ Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) đã chọn định nghĩa các DNNVV là “các tổ chức được coi là có quy mô vừa và nhỏ bằng cách tham khảo các đặc điểm định lượng (tài sản, doanh thu/nhân viên) và/hoặc định tính (mức độ tập trung quyền sở hữu và quản lý đối với một số ít cá nhân).⁵

Ở Việt Nam, việc xác định thế nào là DNNVV cũng có sự khác biệt về số lượng người lao động, tổng doanh thu trong từng lĩnh vực tương ứng. Căn cứ khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 thì doanh nghiệp “là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh”. Có nhiều cách phân loại doanh nghiệp, dưới góc độ đánh giá sự phát triển của nền kinh tế và của từng doanh nghiệp, quy mô của doanh nghiệp là căn cứ tiêu biểu. Theo đó, doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp có quy mô lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghị định 80/2021/NĐ-CP đã liệt kê các tiêu chí để xác định thế nào là doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Điều 5, theo đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa. Cụ thể:

- Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh

vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ.

- Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ.

- Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng

⁴http://www.sba.gov/advo/research/sb_econ2009.pdf, ngày truy cập: 18/4/2022.

⁵IFAC (2010), Annual Report 2009, International Federation of Accountants, forthcoming
International Bank for Reconstruction and Development/The World Bank (2009) Doing

Business in 2010, Palgrave MacMillan, IBRD, The World Bank, Washington DC:
<http://www.doingbusiness.org/documents/fullreport/2010/DB10-full-report.pdf>, ngày truy cập: 18/4/2023.

doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.

- Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.

Như vậy, có thể xác định, tiêu chí để nhận diện một doanh nghiệp có quy mô lớn hay nhỏ sẽ được dựa trên: lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (thương mại, dịch vụ hay nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng), số lượng người lao động tham gia bảo hiểm xã hội và tổng doanh thu hoặc tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. Do đó, nhận thấy doanh nghiệp nhỏ và vừa theo pháp luật Việt Nam là những doanh nghiệp có số lượng không quá 100 người lao động đóng bảo hiểm xã hội và doanh thu không quá 300 tỷ đồng/năm hoặc vốn không quá 100 tỷ đồng đối với lĩnh vực thương mại, dịch vụ, doanh nghiệp sử dụng không quá 200 người lao động tham gia bảo hiểm xã hội và doanh thu không quá 200 tỷ đồng/năm hoặc tổng vốn không quá 100 tỷ đồng đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng.

3. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG HÀNH LANG PHÁP LÝ BẢO VỆ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

3.1. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế

Ở Việt Nam, trong giai đoạn 2010-2017, khu vực doanh nghiệp đóng góp bình quân cho ngân sách nhà nước khoảng 12,4%/năm, tương đương trên 60% GDP. Trong đó, DNNVV chiếm đến 98,1% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, đóng góp khoảng 45% GDP, 31% tổng thu ngân sách nhà nước và tạo công ăn việc làm cho hơn 5 triệu lao động. Từ số liệu trên, có thể khẳng định tầm quan trọng của các DNNVV đối với sự phát triển của nền kinh tế tại Việt Nam. Tính đến năm 2019, ở Việt Nam có 382.444 doanh nghiệp siêu nhỏ (chiếm 62,6%), 189.879 doanh nghiệp nhỏ (chiếm 31,1%) và còn lại là quy mô vừa và lớn chiếm tổng cộng 6% tổng số doanh nghiệp Việt Nam. Tính đến cuối năm 2019, có 508.770 doanh nghiệp (67,1%) đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, 239.755 doanh nghiệp (31,6%) trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng và 10.085 doanh nghiệp (1,3%) trong lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp.⁶ Các con số này cho thấy, các DNNVV ở Việt Nam chiếm tỷ lệ cao, đóng góp vào GDP của đất nước lớn.

Không chỉ ở Việt Nam, những nền kinh tế khác trên thế giới, đặc biệt là nền kinh tế các quốc gia phát triển cũng rất

⁶ “Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Hiệp định EVFTA - Tài liệu sử dụng cho loạt Hội nghị bàn tròn về Hiệp định EVFTA, EVIPA và sự hồi phục kinh tế của Việt Nam sau đại dịch COVID-19”.

<https://www.economica.vn/Content/files/PUBL%20%26%20REP/EVFTA%20and%20the%20SME%20Sector%20VIE.pdf>, ngày truy cập: 21/12/2022.

coi trọng vai trò của các DNNVV bởi sự đóng góp to lớn của chúng cho nền kinh tế quốc nội. Ở Mỹ, “30 triệu doanh nghiệp nhỏ là động lực chính của nền kinh tế, tạo ra hai phần ba việc làm mới của khu vực tư nhân và sử dụng hơn 50% nguồn lao động quốc gia”.⁷ Ở Malaysia, “theo thống kê của SMEs năm 2017, 98,5% doanh nghiệp tại Malaysia là DNNVV, trong đó có 76,5% là doanh nghiệp siêu nhỏ, 21,2% doanh nghiệp nhỏ và 2,3% doanh nghiệp vừa”.⁸ Sự đóng góp của các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ đối với nền kinh tế quốc gia và sự phát triển của xã hội vượt ra khỏi quy mô mà nó có được. Do đó, vai trò quan trọng, cốt lõi của DNNVV đối với nền kinh tế, với sự phát triển của các quốc gia, trong đó có Việt Nam là không thể phủ nhận, thể hiện ở đa dạng các khía cạnh, có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, sự ổn định và phát triển của các DNNVV góp phần làm nền kinh tế ổn định, tạo nguồn thu quan trọng cho Ngân sách Nhà nước. Với số lượng lớn các doanh nghiệp, sự đa dạng của các sản phẩm mà chúng cung ứng cho thị trường, các DNNVV đã tạo ra sự cung ứng liên tục, ổn định cho nền kinh tế. Ngoài ra, với lợi nhuận thu được, các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa cũng đóng góp cho ngân sách nhà nước một lượng lớn nguồn tiền thông qua các khoản thuế, phí hằng năm, đóng góp hỗ trợ cho ngân sách nhà nước.

Thứ hai, sự đa dạng về số lượng, loại hình DNNVV góp phần làm tăng hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Với sự tồn tại của nhiều doanh nghiệp hoạt động trong cùng một ngành, lĩnh vực sẽ làm giảm tính độc quyền và buộc các doanh nghiệp phải chấp nhận cạnh tranh, phải liên tục đổi mới để có thể tồn tại và phát triển. Mặt khác, chính tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh với quy mô nhỏ và vừa mà doanh nghiệp có thể dễ dàng đổi mới công nghệ, kỹ thuật, nâng cao tính cạnh tranh, vị thế trên thị trường, tạo được tính mới, tính sáng tạo của nền kinh tế và cũng là động lực để các doanh nghiệp có quy mô lớn phải tự mình cải tiến cạnh tranh.

Thứ ba, DNNVV càng nhiều, càng tạo ra nhiều việc làm góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp. Như đã đề cập ở trên, số lượng DNNVV trong nền kinh tế là rất lớn với đa dạng ngành, lĩnh vực. Điều này có nghĩa, nó tạo ra được số lượng việc làm cho người lao động là rất lớn, càng nhiều doanh nghiệp ra đời, ổn định và phát triển thì tỷ lệ thất nghiệp sẽ càng giảm.

Thứ tư, đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam, các DNNVV còn góp phần quan trọng vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các doanh nghiệp được thành lập, mở rộng và phát triển ở khu vực nông thôn góp phần làm giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ

⁷ Hoàng Mạnh Hùng, “Kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam” <http://tapchingham.gov.vn/kinh-nghiem-quoc-te-ve-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-va-bai-hoc-cho-viet>

nam.htm?fbclid=IwAR3wDYoV-1Xgw1hV_uKu0cHxGasqyUXyysLsxnN7wWhSx02RR8jkmw0rNdk, ngày truy cập: 21/12/2022.

⁸ Hoàng Mạnh Hùng, tldđ (2).

trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, điều này góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc gia, đóng góp ngày càng nhiều vào GDP của đất nước.

Bên cạnh đó, việc gia nhập vào các điều ước quốc tế chẳng hạn như EVFTA đặt ra yêu cầu cho Việt Nam trong quá trình hội nhập đòi hỏi các DNNVV khẳng định năng lực, nắm bắt thời cơ để ngày càng phát triển. Cơ hội của Việt Nam khi ký kết EVFTA được đánh giá là rất lớn, cho nền kinh tế nói chung và cho chính các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng.⁹ Tuy nhiên, song song với đó là các thách thức lớn cho chính các doanh nghiệp, nhất là DNNVV. Về tốc độ và quy mô của sự phát triển, Việt Nam so với các quốc gia Châu Âu nhìn chung vẫn đứng ở vị thế là một quốc gia đang phát triển, các doanh nghiệp của Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn. Trước cơ hội lớn về thuế, hải quan, thương mại, mua sắm chính phủ, lĩnh vực hỗ trợ xuất nhập khẩu ô tô ...¹⁰. Để các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là phần lớn DNNVV tận dụng các ưu thế đó, khắc phục khó khăn để phát triển, làm động cơ đưa kinh tế Việt Nam ngày càng phồn thịnh, cơ chế hỗ trợ các DNNVV trong nước cũng như các thủ tục, phương thức hoạt động trong giai đoạn này là vô cùng quan trọng.

Những vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc gia, sự phát triển của đất nước mà những DNNVV mang lại là căn cứ then chốt

chứng minh sự cấp thiết phải xây dựng một cơ chế, hành lang pháp lý vững chắc hỗ trợ, bảo vệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa để các doanh nghiệp ổn định, phát triển, mở rộng quy mô.

3.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nhận thức được tầm quan trọng của những đóng góp mà DNNVV mang lại cho quốc gia, Việt Nam đã xây dựng các cơ chế, chính sách, các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ, hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Luật hỗ trợ DNNVV năm 2017 ra đời như một công cụ pháp lý thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam trong việc hỗ trợ các DNNVV, tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội. Chương II Luật này ghi nhận các nội dung cụ thể, trong đó có các nhóm chính: hỗ trợ vốn, tài chính, hỗ trợ về thuế, hỗ trợ các thủ tục hành chính và các chính sách hỗ trợ khác như thúc đẩy công nghệ, mở rộng thị trường, khởi nghiệp sáng tạo,... Phần này phân tích khái quát từng nhóm nội dung hỗ trợ, tập trung vào vốn, tài chính, thuế, thủ tục hành chính và một số công cụ hỗ trợ khác để có cái nhìn bao quát về chính sách hỗ trợ DNNVV của Việt Nam, đồng thời so sánh, đánh giá để đưa ra các đề xuất mang tính xây dựng khía cạnh pháp lý này.

⁹ Nghiêın Xuân Khoát, Laura – Mariana Cismas (2019), “The EU - Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) Opportunity And Challenges For Vietnam”, *ECOFORUM*, Volume 8, Issue 2(19), p.2.

¹⁰ Le Thi Viet Nga; Doan Nguyen Minh; Pham Minh Dat (2020), “European-Vietnam Free Trade Agreement (Evfta) Impacts On Imports: A Case Study”, *Journal of Security & Sustainability Issues*, Vol. 9 Issue M, p56-68.

3.2.1. Vốn, tài chính

Vấn đề về vốn và hoạt động tài chính luôn là nội dung quan trọng trong hoạt động của các doanh nghiệp, không chỉ DNNVV.¹¹ Khoản 1 Điều 8 Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 quy định Nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ cho các DNNVV trong tiếp cận các khoản tín dụng. Cụ thể, tùy vào tình hình mỗi giai đoạn, Chính phủ sẽ “hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với DNNVV; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với DNNVV dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm DNNVV”. Như vậy, với vai trò, chức năng của mình, Nhà nước là chủ thể trung gian, đóng vai trò cầu nối giữa tổ chức tín dụng và doanh nghiệp. Nhà nước bằng các công cụ của mình qua mỗi thời kỳ đưa ra các chính sách để khuyến khích các tổ chức tín dụng cho các DNNVV vay với chế độ ưu đãi nhất, giúp các doanh nghiệp xoay vòng vốn. Ngoài ra, Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV ra đời cũng cho thấy sự hỗ trợ của Nhà nước đối với việc vay vốn của các DNNVV.

Tuy nhiên, cơ chế để đảm bảo phát huy hiệu quả giải pháp này vẫn chưa thực sự rõ ràng, dẫn đến các rào cản về tiếp cận vốn đối với các DNNVV vẫn còn chưa được phá bỏ. Số lượng các DNNVV như đã trình bày ở trên là khá lớn, nhu cầu về vốn để ổn định, phát triển của các doanh

nh nghiệp cũng không phải là con số nhỏ, bên cạnh đó, hệ thống tín dụng của nước ta vẫn còn phân bổ chưa đều, chưa hợp lý, do đó, các khó khăn trong việc tiếp cận vốn trước và sau khi Luật Hỗ trợ các DNNVV vẫn là vấn đề nan giải, điều này dẫn đến việc “các doanh nghiệp phải chấp nhận sử dụng các kênh vốn có chi phí cao”.¹²

Ngoài ra, yêu cầu tài sản thế chấp cho các khoản vay hay hạn mức tín dụng của doanh nghiệp cũng là một trong những rào cản tiếp cận tín dụng. Nhằm đảm bảo an toàn, các tổ chức tín dụng thường đưa ra các yêu cầu thế chấp chặt chẽ, trong khi các DNNVV lại hạn chế về tài sản thế chấp. Đó là các trường hợp các DNNVV có tài sản nhưng không có đủ giấy tờ hợp pháp, hợp lệ để làm các thủ tục thế chấp như chưa được cấp giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất,... Tính thiếu hiệu quả trong việc thực hiện quy định về hỗ trợ tín dụng của Luật Hỗ trợ DNNVV còn xuất phát từ việc chưa quy định cơ chế trách nhiệm của tổ chức cá nhân trong việc đảm bảo thực hiện chính sách, ai là chủ thể phải xây dựng các giải pháp cụ thể cho từng địa phương, việc hỗ trợ là bắt buộc hay chỉ nằm trong mục tiêu hành động? Đây là những câu hỏi đã trở thành rào cản cho việc tiếp cận vốn được hỗ trợ của các DNNVV.

Bên cạnh đó, sự cạnh tranh thiếu công bằng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân vẫn tồn tại. Các

¹¹ Maier, J. B., & Walker, D. A. (1987), “The role of venture capital in financing small business”, *Journal of Business Venturing*, 2(3), pp.209.

¹² “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam phát triển trong giai đoạn hiện nay”, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/ho-tro->

[doanh-nghiep-nho-va-vua-viet-nam-phat-trien-trong-giai-doan-hien-nay-314736.html?fbclid=IwAR17DWDGXG_o7pYGdpKoaEIljLfsyrRAwcVY8Pgka1lfRtoeyPPm0WEU_IU_](http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/ho-tro-), ngày truy cập: 21/12/2022.

doanh nghiệp nhà nước thường dễ tiếp cận vốn hơn, do được Nhà nước bảo lãnh, dễ tiếp cận tín dụng ưu đãi và đất đai hơn, do đó, đây là một trong các nguyên nhân khiến các doanh nghiệp tư nhân gặp khó khăn trong khâu tiếp cận vốn.

3.2.2. Chính sách thuế

Ở khía cạnh hỗ trợ về thuế cho các DNNVV thì chính sách ưu đãi thuế là giải pháp được đề cập đầu tiên. Khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 quy định “DNNVV được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Mức thuế thấp hơn chính là ưu đãi quan trọng mà Nhà nước dành riêng các DNNVV. Dự thảo Nghị quyết về một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ DNNVV¹³ đang được xem xét đề thông qua, theo đó, các DNNVV có thể được hưởng nhiều ưu đãi thuế khi Nghị quyết này được thông qua, cụ thể: Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh; Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm dưới 03 (ba) tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 (mười) người; Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ 03 (ba) tỷ đồng đến dưới 50 (năm mươi) tỷ đồng và có số

lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 (một trăm) người.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là những con số này có thực sự đem lại hiệu quả? So sánh với thuế suất thông thường được áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp thời điểm hiện tại là 20%, mức thuế này thể hiện sự ưu đãi thận trọng từ phía Nhà nước, bởi mức chênh lệch thuế suất không quá cao. Sự hỗ trợ về thuế từ phía Nhà nước là cần thiết, song, việc quy định điều kiện được hưởng còn chưa đầy đủ, điều này dẫn đến khả năng lạm dụng quy định pháp luật, các doanh nghiệp không thực hiện việc đổi mới phát triển từ các hỗ trợ ưu đãi của Nhà nước.

3.2.3. Trong thực hiện các thủ tục hành chính doanh nghiệp

Thủ tục hành chính ở Việt Nam được đánh giá là còn khá phức tạp, đây là rào cản đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Doanh nghiệp thường mất nhiều thời gian, công sức và tiền bạc.¹⁴ Đối với các DNNVV, quy mô không lớn, thậm chí là các doanh nghiệp mới được thành lập, do đó, các thủ tục hành chính như chế độ kế toán, cấp giấy phép kinh doanh, thủ tục liên quan nghiên cứu, phát triển, trao đổi công nghệ,... Để khắc phục hạn chế này, Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 và Nghị định 80/2021/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, Thông

¹³ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-quyet-ve-chinh-sach-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-ho-tro-phat-trien-doanh-nghiep-nho-va-vua-410009.aspx>, ngày truy cập: 18/4/2023.

¹⁴ Lê Hồng Hạnh, “Cải cách hành chính và sự phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam gia

nhập WTO”, http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=35cb9eb8-2848-4647-9382-a35e24a8f014&groupId=13025, ngày truy cập: 18/4/2023.

tư 132/2018/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ đã quy định những giải pháp nhằm hỗ trợ thủ tục hành chính cho các đối tượng doanh nghiệp này. Cụ thể, khoản 2 Điều 10 Luật hỗ trợ DNNVV quy định “Doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán”. Hay Điều 15 Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định về hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, hay Điều 22 Nghị định này cũng đề cập vấn đề hỗ trợ phát triển sản phẩm trí tuệ. Tuy nhiên, mức độ của sự khắc phục chỉ dừng lại ở sự “hỗ trợ”: Đó là hỗ trợ tư vấn, hỗ trợ hướng dẫn, song chưa thấy sự ưu tiên nào trong vấn đề cấp giấy phép, hay các DNNVV sẽ được ưu tiên thẩm định hồ sơ sở hữu trí tuệ sớm,... Thực tiễn các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp rất nhiều khó khăn ở các thủ tục hành chính, họ tìm đến các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ pháp lý để hồ sơ được nhanh chóng, tránh được việc trực tiếp tham gia thủ tục hành chính phức tạp.

3.2.4. Các công cụ hỗ trợ khác

Ngoài ba vấn đề trên, Nhà nước còn đưa ra các công cụ hỗ trợ khác cho các DNNVV, Luật hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định một số công cụ khác, chẳng hạn:

Thứ nhất, hỗ trợ về thông tin tư vấn pháp lý. Khoản 1 Điều 14 Luật hỗ trợ DNNVV năm 2017 quy định trách nhiệm

các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phải đăng tải các thông tin trên trang của mình các thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ DNNVV, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp và các vấn đề khác theo nhu cầu của doanh nghiệp. Nội dung này cũng được thể hiện trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV. Ngoài ra, tư vấn pháp lý còn thể hiện ở việc các cơ quan này xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật. Song, quy định pháp luật tạo khung pháp lý vững chắc cho việc hỗ trợ các doanh nghiệp, từ giai đoạn sơ khai cho đến quá trình thành lập, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng phạm vi hỗ trợ lớn như thế, số lượng DNNVV thì nhiều, vậy liệu vấn đề thực thi nó trên thực tế cho hiệu quả hay không? Câu trả lời được đánh giá là quá trình thực thi đem lại giá trị thực tế “còn khá khiêm tốn”.¹⁵ Do đó, các DNNVV tìm đến các nơi tư vấn pháp lý khác thay vì chính cơ quan nhà nước.

Thứ hai, hỗ trợ các vấn đề đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số. Khoản 1 Điều 15 Luật hỗ trợ DNNVV năm 2017 quy định “Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng

¹⁵ <https://thoibaonganhang.vn/ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-tu-chinh-sach-den-thuc-tien-van-con-xa-133771.html>, ngày truy cập: 19/4/2023.

ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNNVV”. Điều 28 Luật này cũng quy định Nhà nước sẽ hỗ trợ “đầu tư” cho các DNNVV đối với hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Các chính sách được đưa ra vô cùng tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp trong đổi mới, nhưng, thực thi nó như thế nào mới là vấn đề cần bàn đến. Khi nào DNNVV được miễn, giảm chi phí đào tạo? Khi nào Nhà nước mở các lớp đào tạo cho người lao động và chất lượng các lớp huấn luyện đó ra sao, hướng tới giá trị gì, cơ quan nào chịu trách nhiệm, các lớp được tổ chức khi nào, định kỳ hay theo nhu cầu đăng ký của các DNNVV. Đây là những vấn đề cần làm rõ nếu muốn nó có giá trị vận dụng trên thực tế.

Nhận thấy, các công cụ hỗ trợ này chưa phát huy được hiệu quả tối đa, các DNNVV vẫn còn trong tình trạng “loay hoay” tìm kiếm các dịch vụ pháp lý thay vì các tổ chức do Nhà nước thành lập để hỗ trợ doanh nghiệp, khả năng quản trị của các doanh nghiệp vẫn còn khá nhiều hạn chế, dẫn đến các doanh nghiệp không đủ tiềm năng để phát triển. Đây là bài toán đến từ phía các doanh nghiệp và đòi hỏi một công cụ hiệu quả để buộc chính các doanh nghiệp tự mình nâng cao khả năng nghiệp vụ mà không cần bị động đợi đến sự hỗ trợ của Nhà nước.

4. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC VỀ CƠ CHẾ ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VÀ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM

4.1. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu trên thế giới, song các DNNVV vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo so với các doanh nghiệp có quy mô lớn tại quốc gia này. Thống kê cho thấy 30 triệu DNNVV của Hoa Kỳ chiếm gần 2/3 tổng số việc làm mới của khu vực tư nhân trong những thập kỷ gần đây.¹⁶ Các DNNVV xuất khẩu có xu hướng phát triển nhanh hơn, tạo ra nhiều việc làm hơn và trả lương cao hơn so với các doanh nghiệp tương tự không xuất khẩu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp này dễ bị tác động bởi các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.¹⁷ Do đó, cần có sự hỗ trợ, can thiệp từ phía cơ quan Chính phủ.

Để hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ trong vấn đề tìm kiếm vốn khi mà mức độ tín nhiệm của các doanh nghiệp này không cao, Cục phát triển doanh nghiệp nhỏ (SBA) của Hoa Kỳ đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ tiếp cận nguồn vốn bằng cách đảm bảo cho các khoản vay, doanh nghiệp sẽ không vay vốn trực tiếp từ nhà đầu tư mà thông qua SBA. Khoản

¹⁶ <https://ustr.gov/trade-agreements/free-trade-agreements/transatlantic-trade-and-investment-partnership-t-tip/t-tip-12>, ngày truy cập: 19/4/2023.

¹⁷ Berry, A. (2002), “The role of the small and medium enterprise sector in Latin America and

similar developing economies”, *Seton Hall Journal of Diplomacy and International Relations*, 3(1), pp.111.

vay được SBA bảo đảm từ 500 USD đến 5,5 triệu USD cho phần lớn mục đích kinh doanh như mua tài sản cố định và vốn hoạt động. SBA sẽ đóng vai trò trung gian kết nối bên cho vay với những doanh nghiệp có nhu cầu. Các khoản vay được SBA đảm bảo thường có lãi suất, phí tương đương với các khoản vay không được bảo đảm và thường kèm theo dịch vụ tư vấn giúp doanh nghiệp nhỏ khởi nghiệp, vận hành hiệu quả. Khoản vay được SBA bảo đảm có khoản thanh toán thấp hơn, yêu cầu chi phí linh hoạt và một số khoản vay không yêu cầu tài sản thế chấp.¹⁸ SBA cũng cung cấp các khoản vay cho các nạn nhân gặp thiên tai và tư vấn hỗ trợ chuyên ngành cho hoạt động thương mại quốc tế.¹⁹ Như vậy, Mỹ thành lập một cơ quan chuyên biệt, dùng ngân sách của chính phủ để hỗ trợ bảo đảm các khoản vay cụ thể cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Mỹ. Cơ quan này sẽ có nhiệm vụ đứng ra bảo lãnh khoản vay cho các mục đích vay xác định: mua tài sản cố định, vốn hoạt động, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp được vay để đảm bảo việc hoàn vốn vay. Điều này góp phần làm tăng tính hiệu quả của hoạt động hỗ trợ vay vốn tại Mỹ.

Ở Việt Nam, Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, thực hiện chức năng bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, việc thành lập và tổ chức hoạt động của Quỹ được thực hiện theo Nghị định số 34/2018/NĐ-CP. Khác với SBA ở Hoa Kỳ, tổ chức này chỉ đứng ra bảo lãnh cho DNNVV chưa đủ

điều kiện tiếp cận khoản vay tín dụng từ các tổ chức tín dụng để được ưu tiên vay vốn chứ không thêm chức năng cung cấp trực tiếp các khoản vay hay tư vấn hỗ trợ cho DNNVV khi tiếp cận vốn. Thực tế quá trình yêu cầu Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV cần sự tư vấn trước cho các DNNVV để lựa chọn sự cần thiết của vay vốn, khoản vay, lãi suất,..., vậy nên, tác giả cho rằng nên bổ sung vai trò “tư vấn” cho Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV của Việt Nam để tạo tính linh động cho hoạt động của tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp.

Ở Hoa Kỳ, Ủy ban Tư vấn Thương mại Công nghiệp (ITAC) được đồng quản lý bởi Bộ Thương mại Hoa Kỳ và Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR). ITAC thu hút các nhà lãnh đạo doanh nghiệp xây dựng chính sách thương mại của Hoa Kỳ. Ủy ban thực hiện các chức năng tư vấn liên quan đến các vấn đề chính sách thương mại của Hoa Kỳ cho các DNNVV. Ngoài ra, đây cũng là diễn đàn trao đổi, tiếp thu ý kiến để đưa ra các khuyến nghị liên quan đến các rào cản thương mại, đàm phán các hiệp định thương mại và thực hiện các hiệp định thương mại hiện có ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp.²⁰ Như vậy, tổ chức này như một cầu nối giữa DNNVV và Nhà nước trong nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của chính doanh nghiệp, kịp thời tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp.

¹⁸ Hoàng Mạnh Hùng, tldđ (2)

¹⁹ Hoàng Mạnh Hùng, tldđ (7).

²⁰ <https://www.trade.gov/industry-trade-advisory-center>, ngày truy cập: 19/4/2023.

4.2. Cơ chế hỗ trợ của chính phủ Đài Loan

Đài Loan là mô hình kinh tế điển hình. Không giống nền kinh tế Nhật Bản, Hàn Quốc, đại lục Trung Quốc, nền công nghiệp Đài Loan từ lâu đã bị các doanh nghiệp nhỏ và vừa ra lệnh. Các DNNVV ở Đài Loan có ba đặc điểm chính: số lượng lớn, tăng trưởng nhanh và quan tâm đến sự đổi mới. Nhiều DNNVV ở Đài Loan trong quá khứ đã phát triển lớn, được quốc tế công nhận.²¹

Để đạt được thành công này, Đài Loan đã xây dựng cơ chế hỗ trợ phát triển các DNNVV tại quốc gia này. Ở Đài Loan, hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp rất chuyên nghiệp và hoàn thiện. Đạo luật phát triển DNNVV quy định, Cơ quan Quản lý DNNVV (SMEA)²² được thành lập có trách nhiệm hỗ trợ cho các DNNVV, chia thành các nội dung:

- Cung cấp tín dụng và hỗ trợ các DNNVV để cải thiện cấu trúc tài chính của họ;
- Hỗ trợ các DNNVV trong việc thiết lập hệ thống quản lý, tăng cường hiệu quả quản lý và phát triển nguồn nhân lực;
- Hỗ trợ phát triển các sản phẩm mới và hỗ trợ các nỗ lực nghiên cứu và phát triển;

- Thu thập thông tin và thiết lập hệ thống quản lý thông tin;
- Cải thiện an toàn công nghiệp;
- Thiết lập hoặc cải thiện các cơ sở kiểm soát ô nhiễm;
- Cung cấp thông tin tình báo thị trường để hỗ trợ mở rộng thị trường của các DNNVV;
- Tăng cường hợp tác giữa các DNNVV để tăng khả năng cạnh tranh;
- Hỗ trợ các DNNVV nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng sản xuất.

Một điểm đáng quan tâm về chính sách quản lý các DNNVV ở Đài Loan là tất cả các công ty, lớn và nhỏ, đều bị pháp luật bắt buộc phải thành lập một hiệp hội, kể cả về lĩnh vực mà họ hoạt động. Do đó, chính phủ có cách tư vấn hiệu quả với các công ty và truyền đạt thông tin và chính sách. Đổi lại, các công ty cũng có một phương tiện tư vấn hiệu quả từ chính phủ để nhận thông tin (đặc thù của ngành).²³

Ở Việt Nam, các Trung tâm hỗ trợ DNNVV được thành lập từ lâu, trực thuộc Cục Phát triển doanh nghiệp, thực hiện các chức năng chủ yếu như tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận khoa học kỹ thuật, đào tạo phát triển nhân lực, in ấn, tuyên truyền các hoạt động hỗ trợ DNNVV.²⁴

²¹ Le Duy Binh, Nguyen Kieu Dung, Truong Duc Trong (2016), SME Laws in Some Selected Countries and implications to Vietnam, https://www.economica.vn/Portals/0/Documents/SME%20Laws%20-%20Intl%20Practices%20and%20Implication%20to%20VN.pdf?fbclid=IwAR2_0wcCBI_WGWZra2Q6RKJDMj7ESy0eNyh51Jp0Q6qSB_YqUVV_i1NHP8, ngày truy cập: 21/12/2022.

²² Phan Hoàng Lan, “Đề ương tạo doanh nghiệp công nghệ”, <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/de-uom-tao-doanh-nghiep-cong-nghe-88847.html>, ngày truy cập: 21/12/2022.

²³ Le Duy Binh, Nguyen Kieu Dung, Truong Duc Trong (2016), tldđ (9).

²⁴ Tham khảo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại: Nghị định số

4.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản

Nhật Bản là một trong các quốc gia có nền kinh tế phát triển, các DNNVV ở Nhật Bản phát triển mạnh. Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng hệ thống các chính sách để hỗ trợ các DNNVV để phát huy sự đóng góp to lớn của họ trong nền kinh tế. Hội đồng hoạch định chính sách các DNNVV được thành lập có trách nhiệm giám sát, hỗ trợ các DNNVV đối với các khoản vay. Đạo luật tài chính Nhật Bản quy định về bảo hiểm các khoản vay cho các DNNVV.

Ngoài ra, Điều lệ các DNNVV của Nhật Bản quy định chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải tuân theo các nguyên tắc sau: (i) Hỗ trợ các DNNVV như một nguồn sức sống kinh tế, để tận dụng tối đa khả năng của họ; (ii) Khuyến khích các DNNVV thành lập doanh nghiệp mới; (iii) Khuyến khích những thách thức của các DNNVV để tiến vào và phát triển thị trường mới bằng sự sáng tạo và khéo léo của họ; (iv) Tăng cường sự công bằng trong thị trường; và (v) Cung cấp mạng lưới an toàn cho hoạt động kinh doanh của các DNNVV.

Bên cạnh đó, chương trình “Hỗ trợ phát triển kinh doanh ở nước ngoài cho các DNNVV của Nhật Bản sử dụng vốn ODA” của JICA cho phép các công ty lập kế hoạch và đệ trình các đề xuất theo sự khéo léo của riêng họ về cách thức sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của họ. Các công ty được chọn có nghĩa vụ điều tra thị

trường địa phương và xác minh khả năng áp dụng sản phẩm của họ vào quốc gia như một cuộc khảo sát do JICA ủy nhiệm. Khi các công ty được chọn điều tra nghiên cứu thị trường, Đại sứ quán Nhật Bản và văn phòng nước ngoài của JICA tại mỗi quốc gia hỗ trợ các công ty này dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau của họ với các bên địa phương.²⁵ Lợi ích của chương trình này đối với DNNVV không chỉ giới hạn ở hoạt động kinh doanh ở nước ngoài của DNNVV, mà còn tạo ra ảnh hưởng tích cực đến nhận thức của nhân viên, phát triển nguồn nhân lực và dẫn đến sự công nhận nhiều hơn đối với công ty, các sản phẩm và dịch vụ của chính họ cũng như phục hồi nền kinh tế địa phương nơi các DNNVV này đặt trụ sở. Bộ Ngoại giao và JICA tiếp tục hỗ trợ mở rộng hoạt động ra nước ngoài của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản sử dụng vốn ODA như một “chất xúc tác” để kết nối các DNNVV với các nước đang phát triển đồng thời nỗ lực giải quyết các vấn đề phát triển ở các nước đang phát triển.

5. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI VIỆT NAM

Từ thực tiễn các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như tính hiệu quả của việc vận dụng chúng và kinh nghiệm từ các quốc gia có nền kinh tế phát triển trên thế giới, đối chiếu với tình hình, bối cảnh ở

56/2009/NĐ-CP của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV.

²⁵ “Support for Japanese Small and Medium-sized Enterprises (SMEs) Overseas Business Development

Using ODA”, *White Paper on Development Cooperation* 2017.

Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện các quy định của pháp luật cũng như thực hiện có hiệu quả chúng trên thực tế.

Quy định điều kiện để được hưởng chính sách ưu đãi thuế

Như đã đề cập ở trên, việc quy định mức thuế suất ưu đãi so với các doanh nghiệp quy mô lớn có thể dẫn đến việc các doanh nghiệp lạm dụng sự hỗ trợ từ phía nhà nước để không đổi mới, cải tiến hay phát triển quy mô. Do đó, để tránh trường hợp này, việc quy định thêm điều kiện được hưởng ưu đãi là cần thiết, điều này không làm cản trở hay giảm thiểu sự quan tâm từ phía nhà nước mà là sự khuyến khích, cùng với các giải pháp khác góp phần tạo động lực cho các DNNVV liên tục đổi mới, phát triển, mở rộng quy mô. Cụ thể cần có quy định giới hạn thời gian hưởng ưu đãi thuế suất 17% là tối đa 05 năm. Thời gian này, các doanh nghiệp có thể liên tục cập nhật các tiến bộ khoa học công nghệ, cùng các yếu tố khác với sự theo dõi của cơ quan chuyên môn giám sát các hoạt động của doanh nghiệp để doanh nghiệp có thể đi vào hoạt động ổn định và phát triển.

Hỗ trợ các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, vay vốn, kê khai thuế

Thủ tục hành chính tại Việt Nam được đánh giá là còn khá phức tạp, mang tính hình thức. Điều này trở thành một rào cản đối với hoạt động của các DNNVV. Do đó, việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính không chỉ là yêu cầu chuyên biệt đối với việc hỗ trợ các DNNVV mà còn

là yêu cầu chung cho quá trình quản lý xã hội. Ngoài ra, như đã đề cập, việc cần có một cơ quan chuyên biệt có trách nhiệm hỗ trợ, giám sát hoạt động của DNNVV là một giải pháp để thực hiện có hiệu quả việc hỗ trợ kê khai thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp và các hỗ trợ tư vấn pháp lý,... Tác giả cho rằng các Trung tâm hỗ trợ DNNVV ở từng địa phương cần bổ sung thêm trách nhiệm này trong nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, từ tư vấn cho đến hỗ trợ giấy tờ, đề xuất các phương án tinh giảm thủ tục hành chính và các vấn đề khác trực tiếp hỗ trợ DNNVV ở địa phương.

Quy định điều kiện “định kỳ tập huấn về quản trị doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn” để được duy trì giấy phép hoạt động của doanh nghiệp

Sự phát triển của các DNNVV ở Việt Nam chưa thực sự khởi sắc không chỉ xuất phát từ lý do thiếu cơ chế hỗ trợ từ phía nhà nước mà còn bởi chính năng lực của các DNNVV còn hạn chế, hoạt động kém hiệu quả; khả năng tổ chức, quản trị vẫn còn lỏng lẻo, chông chéo, thiếu khoa học. Các quốc gia phát triển nêu trên chưa áp dụng các quy định về điều kiện để được duy trì giấy phép, tuy nhiên, áp dụng vào thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhận thấy yêu cầu về công tác “định kỳ tập huấn về quản trị doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn” là cần thiết để bảo vệ chính doanh nghiệp, từ đó có thể bảo vệ và phát triển nền kinh tế quốc gia.

Giống như các điều kiện để được duy trì chứng chỉ hành nghề được, bác sĩ, luật

sự, các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động tác động rất lớn đến nền kinh tế cũng cần phải có các điều kiện nhằm đảm bảo cho chính doanh nghiệp đó tồn tại và có khả năng phát triển. Doanh nghiệp có thể tự mình liên kết với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước hoặc tham gia các buổi tập huấn của cơ quan hỗ trợ DNNVV, các hiệp hội ngành nghề. Việc thực hiện các yêu cầu này và việc áp dụng các vấn đề đúc kết được qua các hoạt động tập huấn của doanh nghiệp sẽ được đặt dưới sự theo dõi, giám sát của chính cơ quan hỗ trợ DNNVV. Tác giả cho rằng, trách nhiệm các Trung tâm hỗ trợ DNNVV không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ tư vấn khi doanh nghiệp tự tìm đến sự hỗ trợ, mà cần nâng cao chất lượng tập huấn cho DNNVV, tương tự như các mô hình của Đài Loan, Hoa Kỳ hay Nhật Bản, các cơ quan này chủ động trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tổng thể, từ các giai đoạn thành lập, thủ tục thuế, đến tập huấn cho doanh nghiệp, nhân sự, đổi mới công nghệ,... để các DNNVV của Việt Nam có thể chủ động đón đầu sự phát triển của nhân loại. Do đó, tác giả đề xuất, bổ sung thêm trách nhiệm của các cơ quan này, bên cạnh đó, chính hoạt động nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ ứng dụng khoa học công nghệ và khả năng tiếp thu, thích ứng của doanh nghiệp và được Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá tốt có thể là một yếu tố đánh giá sự ưu tiên của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV khi bảo lãnh vay vốn cho các DNNVV.

Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp trên, đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ của từng vấn đề bởi đó là một hệ thống cơ

chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, biện pháp này sẽ tạo điều kiện để thực hiện có hiệu quả biện pháp khác và ngược lại.

6. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn của nền kinh tế thị trường hội nhập thế giới, các doanh nghiệp đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế quốc nội. Với số lượng và sự đa dạng các ngành, lĩnh vực, các DNNVV chiếm ưu thế áp đảo so với các doanh nghiệp có quy mô lớn và ngày càng đóng vai trò then chốt cho sự phát triển. Do đó, vấn đề hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa là hết sức cần thiết. Các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như việc thực hiện các chính sách hỗ trợ lại chưa thực sự đột phá, hiệu quả. Từ thực trạng các rào cản cho sự phát triển của các DNNVV ở Việt Nam và từ kinh nghiệm của pháp luật các quốc gia, khu vực có nền kinh tế phát triển trên thế giới, Việt Nam cần (i) Thành lập một cơ quan chuyên biệt thực hiện chức năng nhiệm vụ hỗ trợ các DNNVV, (ii) Quy định thêm điều kiện được hỗ trợ về thuế, (iii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, (iv) Quy định về điều kiện để được duy trì giấy phép hoạt động của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiệp định EVFTA.
2. Luật Doanh nghiệp 2020.
3. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017.
4. Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
5. Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của

Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Thông tư 132/2018/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ.

7. Berry, A., 2002. The role of the small and medium enterprise sector in Latin America and similar developing economies. *Seton Hall Journal of Diplomacy and International Relations*, 3(1).

8. Le Duy Binh, Nguyen Kieu Dung, Truong Duc Trong, 2016. SME Laws in Some Selected Countries and implications to Vietnam, https://www.economica.vn/Portals/0/Documents/SME%20Laws%20-%20Intl%20Practices%20and%20Implication%20to%20VN.pdf?fbclid=IwAR2_0wcCBI_WGWZra2Q6RKJDMj7ESy0eNyh51JjP0Q6qSB_YqUVV_i1NHP8, ngày truy cập: 21/12/2022.

9. Lê Hồng Hạnh, 2023. Cải cách hành chính và sự phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO. http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=35cb9eb8-2848-4647-9382-a35e24a8f014&groupId=13025, ngày truy cập: 18/4/2023.

10. Hoàng Mạnh Hùng, 2019. Kinh nghiệm quốc tế về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và bài học cho Việt Nam. http://tapchinganhang.gov.vn/kinh-nghiem-quoc-te-ve-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-va-bai-hoc-cho-viet-nam.htm?fbclid=IwAR3wDYOV-1Xgw1hV_uKu0cHxGasqyUXyysLsxmN

7wWhSx02RR8jkmw0rNdk, ngày truy cập: 21/12/2022.

11. IFAC, 2010. Annual Report 2009, International Federation of Accountants, forthcoming International Bank for Reconstruction and Development

12. The World Bank, 2009. Doing Business in 2010, Palgrave MacMillan, IBRD, The World Bank, Washington DC: <http://www.doingbusiness.org/documents/fullreport/2010/DB10-full-report.pdf>, ngày truy cập: 18/4/2023.

13. Nghiêm Xuân Khoát, Laura, Mariana Cismas, 2019. The EU - Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) Opportunity And Challenges For Vietnam. ECOFORUM, Volume 8, Issue 2(19).

14. Phan Hoàng Lan, 2014. Đề uorm tạo doanh nghiệp công nghệ. <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/de-uom-tao-doanh-nghiep-cong-nghe-88847.html>, ngày truy cập: 21/12/2022.

15. Le Thi Viet Nga, Doan Nguyen Minh, Pham Minh Dat, 2020. European-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) Impacts On Imports: A Case Study. *Journal of Security & Sustainability Issues*, Vol. 9 Issue M.

16. Lê Duy Bình, Trần Thị Phương, 2021. Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Hiệp định EVFTA - Tài liệu sử dụng cho loạt Hội nghị bàn tròn về Hiệp định EVFTA, EVIPA và sự hồi phục kinh tế của Việt Nam sau đại dịch COVID-19. <https://www.economica.vn/Content/files/PUBL%20%26%20REP/EVFTA%20and%20the%20SME%20Sector%20VIE.pdf>, ngày truy cập: 21/12/2022.

LEGAL POLICIES FOR PROTECTION, DEVELOPMENT OF SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN VIETNAM

Nguyen Phuoc Quy Quang¹ and Le Nhat Hong²

¹Tay Do University

²Ho Chi Minh City University of Law

(*Email: nguyenphuocquyquang@gmail.com)

ABSTRACT

Small and medium enterprises play an important role in the economy of each country, however, in the process of carrying out economic production activities, these enterprises encountered many difficulties in financial, operating procedures as well as problems with needed support from legal policies. The current regulations have invested in supporting this group, however, there are still some shortcomings. Therefore, the goal of the article will analyze the bases for identifying small and medium enterprises under Vietnamese law, clarify the necessity of building a legal corridor to protect small and medium enterprises, pointing out some existing shortcomings that hinder the legal operation of small and medium enterprises, and at the same time comparing them with the provisions of foreign laws to have diverse views related to them. Based on the method of analyzing, comparing and citing the data, the article will make a system of recommendations to overcome the remaining shortcomings, contribute to the improvement of the law, and promote the development of small and medium enterprises.

Keywords: Law provision of assistance for small and medium-sized enterprises, legal advice information, small and medium-sized enterprises